

Số: 03 /BC-BVHXH

Quảng Trị, ngày 12 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO

Thẩm tra báo cáo và các dự thảo Nghị quyết của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 2 (kỳ họp thường lệ giữa năm 2025) của HĐND tỉnh khóa VIII

Thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Văn hóa - Xã hội của HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra các báo cáo và dự thảo Nghị quyết trình tại kỳ họp thứ 2 (kỳ họp thường lệ giữa năm 2025) của HĐND tỉnh khóa VIII như sau:

I. Đối với Báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tiếp tục thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2025 và tờ trình và dự thảo Nghị quyết kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

Qua xem xét Báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tiếp tục thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2025, Ban Văn hóa - Xã hội đồng tình với những kết quả đạt được, khó khăn, hạn chế được nêu trong Báo cáo; đồng thời có một số ý kiến như sau:

1. Về những kết quả đạt được

Trong 6 tháng đầu năm 2025, tỉnh Quảng Trị triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh đất nước ta thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và tổ chức lại bộ máy của hệ thống chính trị đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Mặc dù gặp nhiều khó khăn, song với sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Tỉnh ủy; sự điều hành năng động, linh hoạt, có hiệu quả của UBND tỉnh, sự vào cuộc của hệ thống chính trị, nhờ đó lĩnh vực văn hóa - xã hội đạt nhiều kết quả tích cực.

Chất lượng giáo dục các cấp tiếp tục được duy trì và từng bước nâng cao, mạng lưới trường lớp, cơ sở vật chất ngày càng được hoàn thiện. Năm học 2024 - 2025, ngành giáo dục và đào tạo đã triển khai áp dụng Chương trình giáo dục phổ thông 2018 tại tất cả các khối, lớp học; kỳ thi tốt nghiệp THPT được tổ chức nghiêm túc, an toàn, đạt kết quả tốt¹. Lĩnh vực y tế và công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân tiếp tục được quan tâm, chú trọng; tỷ lệ người dân tham gia bảo

¹ Tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp THPT trên 98%, đứng thứ 13/34 tỉnh, thành phố. Không có cán bộ, giáo viên, nhân viên làm nhiệm vụ thi và thí sinh vi phạm quy chế thi.

hiểm y tế cao (đạt 88,9%)². Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động, quản lý người lao động nước ngoài đạt kết quả đạt tốt³. Các chế độ, chính sách của nhà nước, của tỉnh đối với người có công và thân nhân người có công với cách mạng được triển khai thực hiện kịp thời, đúng đối tượng⁴. Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát cho người có công, đồng bào dân tộc thiểu số và hộ nghèo, cận nghèo được triển khai quyết liệt, tạo sức lan tỏa tích cực trong toàn xã hội⁵. Tỉnh đã tổ chức thành công các hoạt động văn hóa, tuyên truyền sôi nổi chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện quan trọng trong 6 tháng đầu năm 2025. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện; phong trào thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao đạt được nhiều kết quả tích cực. Du lịch 6 tháng đầu năm tăng trưởng mạnh, tổng lượng khách du lịch đạt 4,9 triệu lượt khách, tăng 26% so với cùng kỳ⁶. Hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tiếp tục được chú trọng, đã tập trung cải thiện và nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia⁷. Công tác thông tin tuyên truyền và định hướng dư luận xã hội được triển khai kịp thời, hiệu quả.

2. Bên cạnh những kết quả đạt được, qua giám sát, theo dõi, Ban nhận thấy còn một số hạn chế, khó khăn như sau:

2.1. Về giáo dục, đào tạo

Việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia còn gặp nhiều khó khăn như cần nguồn lực lớn đầu tư cho cơ sở vật chất; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia còn thấp, khó hoàn thành theo kế hoạch đề ra (trung bình chung tỉnh mới sau sắp xếp chỉ

² Với 1.403.525 người tham gia.

³ Đã giải quyết việc làm cho hơn 23.000 lao động/34.000 lao động theo Kế hoạch.

⁴ Hiện nay, số lượng người có công khá lớn với khoảng 270.000 đối tượng, trong đó có 32.204 liệt sĩ, 24.905 thương binh và người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, 4.197 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng (hiện nay có 21 mẹ còn sống), 1.654 lão thành cách mạng và cán bộ tiền khởi nghĩa, 59.675 người được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến; 14.363 người có công với nước, trên 11.405 người tham gia hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học ...

⁵ Trên địa bàn tỉnh Quảng Bình: Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo đã hoàn thành 1.317/1.450 căn đợt 1, đạt 90,8%; 88/179 căn đợt 2, đạt 49%; Chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ hoàn thành 1.889/2.559 căn, đạt 73,8%.

Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị cũ: Đã khởi công xây mới đối với 4.428/4460 căn nhà, đạt 99,3%; sửa chữa 1.969/3.203 căn, đạt 61,47%

⁶ Tổng thu từ khách du lịch đạt 4.667,6 tỷ đồng (tăng 20,6% so với cùng kỳ), trong đó doanh thu chuyên ngành ước đạt 3.542,6 tỷ đồng.

⁷ Tỉnh đã tổ chức Lễ phát động Phong trào “Bình dân học vụ số”; tổ chức Đoàn cán bộ tỉnh tham gia đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số theo Thỏa thuận hợp tác với Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội. Ngành Du lịch thông qua các nền tảng số đã quảng bá du lịch địa phương. Ngày Y tế đã triển khai hiệu quả Đề án 06, bệnh án điện tử, sổ sức khỏe điện tử trên VneID. Ngành giáo dục đã triển khai học bạ số, kho học liệu số, ngân hàng câu hỏi nền tảng dạy học trực tuyến, ...

chỉ đạt 58,54%⁸). Tình trạng giáo viên dạy các môn tin học, tiếng Anh ở số địa phương vẫn còn thiếu, đã ảnh hưởng đến chất lượng dạy học; một số vị trí việc làm theo quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT còn thiếu nhiều nên phải bố trí giáo viên kiêm nhiệm, như giáo vụ, tư vấn học sinh,... Việc thực hiện Nghị định số 111/2022/NĐ-CP chỉ cho phép hợp đồng tối đa 70% số giáo viên còn thiếu theo định mức của Bộ Giáo dục và Đào tạo nên thực trạng thiếu giáo viên khó được khắc phục; thời hạn ký kết Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP không quá 12 tháng, vì vậy tính ổn định chưa cao (sau 12 tháng phải ký kết lại), chưa tạo được tâm lý yên tâm giảng dạy. Công tác tuyển sinh của một số trường Cao đẳng, Đại học trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học tại một số cơ sở giáo dục còn thiếu, xuống cấp, chưa đồng bộ (nhất là tại các Trung tâm GDNN-GDTX).

2.2. Về y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Cơ sở vật chất (nhà làm việc, các phòng chức năng, hệ thống xử lý nước thải, chất thải y tế,...), thiết bị y tế tại nhiều đơn vị do đã đầu tư lâu năm nên đã xuống cấp, làm ảnh hưởng đến hoạt động khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn; việc thực hiện chính sách thu hút, đào tạo nhân lực y tế chất lượng cao theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh về công tác tại các đơn vị y tế tuyến cơ sở gặp nhiều khó khăn; việc xây dựng Hồ sơ bệnh án điện tử kết nối thông tin với số định danh cá nhân trên hệ thống VNeID trong hoạt động khám chữa bệnh còn khó khăn. Tình trạng thực phẩm tiêu dùng, thực phẩm chức năng, thuốc và vật tư y tế không rõ nguồn gốc, kém chất lượng vẫn lưu thông trên thị trường, gây lo lắng cho người tiêu dùng. Nhiều cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố, dịch vụ ăn uống lưu động hoạt động theo mùa vụ, không đảm bảo các điều kiện về an toàn thực phẩm và chưa được quản lý, tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an toàn thực phẩm.

Việc thực hiện chính sách dân số và phát triển tại nhiều địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn khó khăn. Công tác khám, chữa bệnh đối với tuyến y tế cơ sở ở một số nơi còn hạn chế, dẫn đến tình trạng chuyên tuyến vượt cấp khá phổ biến, gây áp lực cho y tế tuyến trên.

2.3. Lĩnh vực lao động, việc làm và chính sách an sinh xã hội

Tỷ lệ lao động qua đào tạo và được cấp chứng chỉ hàng năm đều tăng, tuy nhiên chất lượng lao động qua đào tạo vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng lao động tại các doanh nghiệp cũng như xuất khẩu lao động. Công tác phân luồng đối với học sinh sau khi hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông còn hạn chế, do đó tỷ lệ học sinh tham gia đào tạo nghề còn ít.

⁸ Tính đến hết tháng 5/2025 (khỏi các trường công lập), tỉnh Quảng Trị cũ có số trường đạt chuẩn quốc gia là 230/366, đạt tỷ lệ 62,84%, tỉnh Quảng Bình có số trường đạt chuẩn quốc gia là 301/541, đạt tỷ lệ 55,6%.

Việc thực hiện chính sách đối với người có công cách mạng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công đạt được nhiều kết quả quan trọng, tuy nhiên đến nay vẫn còn một số trường hợp do thiếu hồ sơ liên quan nên chưa được công nhận thương binh, liệt sĩ, người có công cách mạng, người nhiễm chất độc hóa học,...; việc xét nghiệm ADN để xác định danh tính liệt sĩ, cấp đổi lại huân chương, huy chương kháng chiến, bằng Tổ quốc ghi công và các giấy tờ liên quan giải quyết còn chậm, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đối tượng chính sách.

2.4. Về văn hóa, thể thao, du lịch

Một số di tích được xếp hạng có diện tích khoanh vùng bảo vệ rộng, ranh giới không rõ ràng, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã làm cho công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị còn gặp nhiều khó khăn. Tiến độ triển khai đầu tư một số di tích Quốc gia đặc biệt còn chậm. Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch được đầu tư nhưng chưa đồng bộ, nhiều khu, điểm du lịch chưa có các tuyến đường đảm bảo nên khó khăn cho du khách trong đi lại, nhất là các điểm du lịch cộng đồng. Các sản phẩm du lịch nhìn chung chưa thật sự đa dạng, hấp dẫn đáp ứng nhu cầu của du khách. Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch hạ tầng du lịch còn bất cập, thiếu đồng bộ; còn thiếu các điểm ăn uống, nghỉ dưỡng đạt tiêu chuẩn quốc tế phục vụ du khách. Vẫn còn một số cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ nâng giá dịch vụ nhà nghỉ, ăn uống, thái độ phục vụ tại một số điểm du lịch trong thời gian cao điểm chưa tốt đã phần nào ảnh hưởng đến thương hiệu du lịch của tỉnh.

2.5. Về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thông tin, truyền thông

Việc ứng dụng kết quả của một số đề tài khoa học vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hiệu quả mang lại trên thực tế chưa cao. Nguồn nhân lực công nghệ thông tin đáp ứng được yêu cầu về chuyển đổi số ở các cơ quan quản lý nhà nước còn thiếu. Hạ tầng internet băng rộng tại một số địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa chưa bảo đảm chất lượng. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số chưa đồng bộ, có nơi chưa đáp ứng yêu cầu. Việc số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu của các ngành, địa phương còn chậm.

3. Về tờ trình và dự thảo Nghị quyết kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

Qua xem xét Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2025, Ban Văn hóa - Xã hội cơ bản thống nhất với các mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp chủ yếu được nêu trong dự thảo Nghị quyết do UBND tỉnh trình. Để thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2025, Ban Văn hóa - Xã hội kiến nghị HĐND tỉnh xem xét bổ sung vào Nghị quyết một số nhiệm vụ, giải pháp như sau:

3.1. Về giáo dục, đào tạo

Chuẩn bị về cơ sở vật chất, tài chính, giáo viên cho việc thực hiện dạy học 2 buổi/ngày. Nghiên cứu việc bố trí, tăng cường dạy văn hóa, nghệ thuật nhằm giảm áp lực, đảm bảo học sinh phát triển toàn diện. Có chính sách ưu tiên trong tuyển dụng biên chế sự nghiệp giáo dục đối với các môn bắt buộc mới theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 để đảm bảo ổn định, giảm áp lực cho ngân sách địa phương; đồng thời rà soát số lượng giáo viên ở từng cấp học, môn học còn thiếu nhiều để ưu tiên thực hiện hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP; đồng thời có chính sách, giải pháp đảm bảo cho giáo viên hợp đồng được ổn định, tạo tâm lý cho thầy cô giáo yên tâm công tác.

Triển khai thực hiện chủ trương về miễn toàn bộ học phí cho học sinh từ mầm non đến hết trung học phổ thông công lập, thời điểm thực hiện từ đầu năm học mới 2025 - 2026 (tháng 9/2025 trở đi) theo Nghị quyết của Quốc hội; đồng thời, chủ động triển khai chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới trên địa bàn tỉnh đảm bảo tiến độ theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền⁹.

Huy động các nguồn lực trong việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đảm bảo chỉ tiêu, kế hoạch đề ra; xem xét bổ sung thêm một số gói chính sách hỗ trợ có mục tiêu trong giai đoạn đầu tư công 2026 - 2030 cho cấp xã để giải quyết các vấn đề cấp bách về nâng cấp, sửa chữa trường lớp học, nhà vệ sinh và các công trình phụ trợ tại các trường học theo tiêu chuẩn trường đạt chuẩn quốc gia. Tiếp tục sắp xếp, quy hoạch lại mạng lưới trường lớp, ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị các trường vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS và miền núi, các Trung tâm GDNN-GDTX. Tập trung chỉ đạo đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động các trường Cao đẳng, Đại học trên địa bàn, nhất là tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

3.2. Về y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Tăng cường kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các vi phạm về an toàn thực phẩm, thuốc, thực phẩm chức năng không rõ nguồn gốc, hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng. Có giải pháp chỉ đạo quyết liệt để loại bỏ việc mua bán, sử dụng thuốc lá điện tử, nhất là ở lứa tuổi thanh thiếu niên. Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng và giải ngân vốn đầu tư công các công trình, dự án quan trọng như: Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Ninh cơ sở 2, Trung tâm truyền thông giáo dục sức khỏe, Trung tâm bảo trợ xã hội và phục hồi chức năng dành cho người khuyết tật; bố trí nguồn lực để đầu tư sửa chữa, nâng cấp nhà làm việc, các phòng chức năng, hệ thống xử lý nước thải, chất thải y tế, phòng cháy, chữa

⁹ Ngày 18/7/2025, Bộ Chính trị thống nhất chủ trương đầu tư xây dựng các trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học-trung học cơ sở tại 248 xã biên giới đất liền trên cả nước. Trước mắt, thí điểm đầu tư hoàn thành xây mới hoặc cải tạo 100 trường trong năm 2025 (chậm nhất là đến thời điểm khai giảng năm học sau). Các trường này sẽ là hình mẫu để sau đó tiếp tục triển khai diện rộng, hoàn thành mục tiêu đầu tư xây dựng 248 trường trong 2-3 năm tới.

cháy tại các cơ sở y tế hiện nay đã xuống cấp, không đảm bảo an toàn trong quá trình khám chữa bệnh.

Tuyên truyền, hướng dẫn, triển khai các chính sách mới về bảo trợ xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội và bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Có giải pháp để cải thiện, nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Có chính sách thu hút bác sỹ có trình độ chuyên môn cao về công tác tại các cơ sở y tế trên địa bàn. Đẩy nhanh việc kết nối thông tin Hồ sơ bệnh án điện tử với số định danh cá nhân (VNeID) và bảo hiểm y tế nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người dân trong hoạt động khám chữa bệnh.

3.3. Về lao động, việc làm, chính sách an sinh xã hội

Thường xuyên nắm bắt diễn biến thị trường lao động để có các chính sách giải quyết việc làm, đào tạo nghề phù hợp; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ BHYT, BHTN cho các đối tượng; thực hiện tốt công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, quan tâm đến hoạt động hướng nghiệp, gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm cho người lao động.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần người có công, thân nhân người có công, hộ nghèo, cận nghèo và đối tượng chính sách khác, nhất là vào dịp lễ, tết. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; hoàn thành các chương trình về xóa nhà tạm, nhà dột nát đảm bảo mục tiêu đề ra.

3.4. Về văn hóa, thể thao, du lịch

Hiện nay, tỉnh Quảng Trị có nhiều yếu tố lịch sử và điều kiện tự nhiên thuận lợi nên còn nhiều dư địa để phát triển văn hóa gắn với du lịch, nhất là sự liên kết, phát huy thế mạnh của mỗi vùng miền trong xây dựng quy hoạch về du lịch. Thực hiện đánh giá, rà soát tổng thể hệ thống di tích trên địa bàn tỉnh để phân cấp quản lý và có kế hoạch đầu tư, tôn tạo gắn với phát huy các giá trị di tích trong giai đoạn 2026 - 2031. Đẩy nhanh công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các di tích, tháo gỡ những vướng mắc về đất đai đối với các di tích trong quá trình lập hồ sơ pháp lý. Tiếp tục nhân rộng cơ chế hợp tác, liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp để khai thác có hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch, các di tích lịch sử trên địa bàn đảm bảo quy định pháp luật. Tập trung đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư đối với các di tích Quốc gia đặc biệt đã được phê duyệt.

Rà soát hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ thủ tục, tháo gỡ khó khăn về đất đai, quy hoạch, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng,... cho doanh nghiệp trong kinh doanh du lịch. Hướng dẫn

các địa phương, doanh nghiệp, người dân trong thực hiện phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích theo quy định pháp luật về đất đai.

Quản lý chặt chẽ hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản, mạng xã hội, kịp thời đấu tranh phản bác thông tin xấu độc, xử lý nghiêm hành vi lợi dụng không gian mạng để lừa đảo, xuyên tạc.

3.5. Về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Sớm ban hành chính sách đặc thù, vượt trội để thu hút, trọng dụng nhân tài đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Kế hoạch hành động số 09-KH/TU ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện chuyển đổi số ở các ngành và địa phương như nâng cấp, hoàn thiện các phần mềm hỗ trợ công tác quản lý và điều hành của tỉnh đảm bảo tính toàn diện, tích hợp dữ liệu nhanh, đầy đủ, an toàn, dễ sử dụng và đúng quy định của pháp luật¹⁰. Quan tâm việc xét duyệt, lựa chọn các đề tài khoa học, công nghệ có tính ứng dụng vào thực tiễn cao. Đẩy mạnh ứng dụng, nhân rộng các đề tài, sáng kiến đã được công nhận áp dụng trong thực tiễn. Tăng cường đầu tư hạ tầng thông tin, viễn thông để phục vụ việc vận hành chính quyền địa phương cấp xã, người dân và doanh nghiệp.

3.6. Về xây dựng chính sách trên lĩnh vực văn hóa - xã hội

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, trên lĩnh vực văn hóa - xã hội, HĐND hai tỉnh đã ban hành nhiều Nghị quyết quy phạm pháp luật và cá biệt, trong đó có những Nghị quyết sẽ hết hiệu lực thi hành vào cuối năm 2025, một số Nghị quyết không còn phù hợp khi thực hiện chủ trương sắp xếp tỉnh và thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp. Vì vậy, căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành, đề nghị HĐND tỉnh giao UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan khẩn trương rà soát, kịp thời đề xuất áp dụng Nghị quyết quy phạm pháp luật của tỉnh trước khi sắp xếp hoặc bãi bỏ, ban hành mới cho phù hợp với tình hình hiện nay.

II. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về quyết định áp dụng và bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Khoa học và Công nghệ

1. Cơ sở pháp lý, sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Sau khi sáp nhập tỉnh, hiện nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có 02 Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ về phát triển khoa học và công nghệ đang còn hiệu lực thi hành, bao gồm: Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình (cũ) quy định chính sách hỗ trợ sáng tạo khoa học và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025 và Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 10/5/2024 của HĐND tỉnh Quảng Trị

¹⁰ Như Hệ chương trình quản lý văn bản và điều hành của tỉnh.

(cũ) quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2026.

Tại điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 20 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15 quy định: “b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới”. Tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định: “6. Việc ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 54 của Luật được thực hiện như sau: a) Hội đồng nhân dân các cấp ban hành nghị quyết hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính được nhập;”

Vì vậy, để đảm bảo sự thống nhất, toàn diện trong công tác quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, quyền lợi của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan, thì việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua nghị quyết áp dụng Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình (cũ) quy định chính sách hỗ trợ sáng tạo khoa học và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025 và bãi bỏ Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 10/5/2024 của HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2026 là cần thiết và đúng với thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung Tờ trình và dự thảo Nghị quyết

2.1. Qua thẩm tra, Ban Văn hóa - Xã hội nhận thấy, các nội dung hỗ trợ tại Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Bình đã bao gồm toàn bộ nội dung hỗ trợ tại Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ), bên cạnh đó Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND còn quy định thêm nội dung hỗ trợ về hệ sinh thái khởi

ng nghiệp đổi mới sáng tạo và Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh; vì vậy, Ban Văn hóa - Xã hội thống nhất đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua:

(1). Nghị quyết áp dụng Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình quy định chính sách hỗ trợ sáng tạo khoa học và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025 được thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (mới).

(2). Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2026 và Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 10/5/2024 của HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2026.

2.2. Trước khi kết thúc việc áp dụng Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; trường hợp tỉnh ban hành chính sách mới thay thế thì cần ban hành kịp thời, tránh để khoảng trống và bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tình hình thực tế ở địa phương.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh; các Ban HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Mai